



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Unit 3 Lesson 3 · Unit 4 Lesson 1 (SGK tr. 16–17)



Tuần 6

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Write the letters – viết chữ cái theo mẫu

Mẫu: Ss Rr

Mỗi dòng một chữ cái: chữ hoa trước, chữ thường sau (Ss, Rr).

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối



ail



and



ea



ainbow



iver

Bài 3: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

ea (biển)

ail (cánh buồm)

iver (dòng sông)

and (cát)

Bài 4: Match – nối hình với từ



•

sand



•

sea



•

rainbow



•

river



•

sail

Bài 5: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. sea

•

a. cầu vồng

2. rainbow

•

b. dòng sông

3. river

•

c. con đường

4. road

•

d. biển

Bài 6: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Let's look at the sea! nghĩa là gì?

(A) Cùng nhìn biển nào! (B) Biển rất to. (C) Tôi thích biển.

2. rainbow nghĩa là gì?

(A) dòng sông (B) cầu vồng (C) con đường

3. Từ nào bắt đầu bằng chữ r?

(A) sea (B) sand (C) river



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 6

Bài 1: Write the letters – viết chữ cái theo mẫu

Ss Rr

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

 - sail  - sand  - sea  - rainbow  - river

Bài 3: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

sea (biển) sail (cánh buồm) river (dòng sông) sand (cát)

Bài 4: Match – nối hình với từ

 - sail  - sand  - sea  - rainbow  - river

Bài 5: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 - d 2 - a 3 - b 4 - c

Bài 6: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **A** (Cùng nhìn biển nào!) 2. **B** (cầu vồng) 3. **C** (river)

onthi.app/phieu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5